

Bản án số: 240/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2022

V/v: “ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Như Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.
2. Ông V Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021, về “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1980 (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 25/8/23 đường PĐG, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Căn hộ số 302 Lô T, Chung cư NGT, Phường 02, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2011, bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Hoàng V chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 02, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 97, quyển số 01/2011 ngày 30/9/2011. Ông, bà có một con chung là Nguyễn Phúc T, sinh ngày 22/12/2012.

Quá trình chung sống, do bất đồng trong quan điểm, lối sống, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được. Từ năm 2017 đến nay, ông, bà đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà T xác định tình cảm vợ

chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Ông, bà không có T sản chung và nợ chung.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu của người khởi kiện và để hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt. Phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án dân sự thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Hoàng V là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân và gia đình. Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là “tranh chấp về ly hôn”. Xét bị đơn có nơi cư trú tại Quận 10, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Xét thấy nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Hoàng V.

2. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

[3] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 97 ngày 30/9/2011, do Ủy ban nhân dân Phường 02, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Hoàng V, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà T là hợp pháp.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ trình bày của nguyên đơn cho thấy từ năm 2017 đến nay, ông V và bà T đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được, không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân. Phía ông V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông V không đến Tòa án để trình bày ý kiến và tham dự hòa giải, cho thấy ông V không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là tự nguyện. Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy tình yêu thương, sự quan tâm, tôn trọng và trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không còn, nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo yêu cầu của một bên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn.

2.2. Về con chung:

[5] Căn cứ giấy khai sinh số 97 ngày 21/02/2013, do Ủy ban nhân dân phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Phúc T (nam), sinh ngày 22/12/2012 là con chung của bà Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Hoàng V. Ông V không đến Tòa để giải quyết vấn đề con chung cho thấy ông không có yêu cầu được nuôi con. Xét thấy trẻ T hiện đang được bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; trẻ T có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ nên Tòa án chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà T.

[6] Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các bên có thể thỏa thuận về mức cấp dưỡng và phương thức thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Căn cứ vào các Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[8] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”, nên bà T phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Áp dụng Điều 2 và khoản 1 Điều 56, Điều 81; 82; 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc T được ly hôn bà Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi con là Nguyễn Phúc T, sinh ngày 22/12/2012. Hai bên tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Hoàng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về T sản chung và nợ chung: Bà T khai không có.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng: Bà Nguyễn Ngọc T chịu, nhưng được trừ và số tiền đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0050068 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Ngọc T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là mười lăm ngày, kể từ ngày đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Như Nhiên